NÂNG CAO NĂNG LỰC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO QUỐC GIA NHẰM THÚC ĐẨY TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM

TS. Nguyễn Thanh Minh[1] - TS. Nguyễn Văn Thông[2]* - ThS. Trương Như Hoa[3]
ThS. Phạm Thị Tâm[4] - ThS. Phan Thị Việt[5]

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn cầu, đổi mới sáng tạo đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực trong phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế. Bài viết phân tích thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia ở Việt Nam, đánh giá những kết quả đạt được và các thách thức đặt ra, từ đó đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong giai đoạn tới.

• Từ khóa: *đổi mới sáng tạo, năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, tăng trưởng kinh tế bền vững, chuyển đổi số, Việt Nam.*

In the context of the Fourth Industrial Revolution and the rapid expansion of digital transformation worldwide, innovation has become a critical driver of sustainable economic growth and national competitiveness. Vietnam has achieved significant progress in developing its innovation ecosystem in recent years. However, the country's innovation capacity still faces several limitations and challenges. This paper analyzes the current state of national innovation capacity in Vietnam, evaluates key achievements and existing challenges, and proposes policy recommendations to enhance innovation capacity, thereby contributing to sustainable economic growth in the coming years.

• Key words: *innovation, national innovation capacity, sustainable economic growth, digital transformation, Vietnam.*

Ngày nhận bài: 29/4/2026
Ngày gửi phản biện: 27/5/2026
Ngày duyệt đăng: 12/6/2026

DOI: https://doi.org/10.71374/jfarv.v26.i315.40

1. Đặt vấn đề

Trong nền kinh tế tri thức, đổi mới sáng tạo được xem là yếu tố quyết định năng lực cạnh tranh và khả năng phát triển bền vững của mỗi quốc gia. Không giống như các mô hình tăng trưởng truyền thống dựa chủ yếu vào vốn đầu tư, lao động và khai thác tài nguyên, mô hình tăng trưởng hiện đại ngày càng phụ thuộc vào tri thức, công nghệ và khả năng sáng tạo của con người. Tại Việt Nam, đổi mới sáng tạo đang được xác định là một trong những động lực quan trọng để thực hiện mục tiêu tăng trưởng nhanh và bền vững. Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã khẳng định vai trò trung tâm của đổi mới sáng tạo trong quá trình phát triển đất nước. Trong bối cảnh đó, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia không chỉ góp phần gia tăng năng suất lao động, nâng cao năng lực cạnh tranh mà còn tạo nền tảng quan trọng cho tăng trưởng kinh tế bền vững trong dài hạn.

2. Cơ sở lý luận

Đổi mới sáng tạo được xem là động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh nền kinh tế tri thức và chuyển đổi số. Theo OECD và Eurostat (2018), đổi mới sáng tạo là việc đưa vào áp dụng một sản phẩm, quy trình, phương pháp marketing hoặc phương pháp tổ chức mới hoặc được cải tiến đáng kể nhằm tạo ra giá trị kinh tế và xã hội. Quan điểm này cho thấy đổi mới sáng tạo không chỉ giới hạn ở công nghệ mà còn bao gồm các đổi mới về quản trị, tổ chức và mô hình kinh doanh.

Năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia phản ánh khả năng của một quốc gia trong việc tạo ra, hấp thụ và ứng dụng tri thức, khoa học và công nghệ để nâng cao năng suất và chất lượng tăng trưởng. Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu năm 2025 của WIPO, năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia được

[1] Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông, email: ntminh@ictu.edu.vn
[2] Trường Đại học Kinh tế và Quản trị kinh doanh - ĐH Thái Nguyên (TUEBA)
[3] Công ty TNHH TV TK XD Hoàng Trung
[4] Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên
[5] Văn phòng UBND tỉnh Bắc Ninh
** Tác giả liên hệ, email: nguyenvanthong@tueba.edu.vn*

đánh giá thông qua nhiều khía cạnh như thể chế, nguồn nhân lực và nghiên cứu, cơ sở hạ tầng, trình độ phát triển thị trường, trình độ phát triển doanh nghiệp, sản phẩm tri thức và công nghệ, cũng như các sản phẩm sáng tạo. Những yếu tố này tạo thành nền tảng quan trọng giúp quốc gia chuyển hóa các nguồn lực đầu vào thành kết quả đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiều nghiên cứu gần đây cho thấy đổi mới sáng tạo có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế bền vững. Theo World Bank (2024), các quốc gia có năng lực đổi mới sáng tạo cao thường đạt tốc độ tăng năng suất lao động nhanh hơn, khả năng thích ứng tốt hơn trước các biến động kinh tế và có điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế xanh, kinh tế số. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đổi mới sáng tạo còn đóng vai trò thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và tạo ra các mô hình tăng trưởng mới dựa trên tri thức và công nghệ.

Đối với Việt Nam, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia có ý nghĩa đặc biệt quan trọng nhằm thực hiện mục tiêu phát triển nhanh và bền vững. Thông qua việc tăng cường đầu tư cho khoa học và công nghệ, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thúc đẩy chuyển đổi số và hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, Việt Nam có thể nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và tạo nền tảng cho tăng trưởng kinh tế bền vững trong dài hạn.

3. Thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia ở Việt Nam

3.1. Những kết quả đạt được

Trong những năm gần đây, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam đã có nhiều chuyển biến tích cực, thể hiện qua sự cải thiện liên tục của các chỉ số đánh giá quốc tế và sự phát triển ngày càng hoàn thiện của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo động lực cho quá trình chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng dựa vào tri thức và công nghệ.

Theo Báo cáo Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (Global Innovation Index - GII) năm 2025 do Tổ chức Sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) công bố, Việt Nam xếp thứ 44 trong số 139 quốc gia và nền kinh tế, duy trì thứ hạng đạt được năm 2024. So với vị trí thứ 47 năm 2017, kết quả này cho thấy sự tiến bộ đáng kể của Việt Nam trong việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia. Việt Nam cũng được WIPO ghi nhận là một trong chín quốc gia có thu nhập trung bình đạt tốc độ cải thiện thứ hạng nhanh nhất kể từ năm 2013 và là một trong hai quốc gia duy trì thành tích đổi mới sáng tạo vượt trội so với trình độ phát triển kinh tế trong suốt 15 năm liên tiếp.

Một điểm nổi bật là Việt Nam tiếp tục cải thiện các chỉ số đầu vào đổi mới sáng tạo. Năm 2025, chỉ số đầu vào đổi mới sáng tạo tăng từ vị trí 53 lên vị trí 50, phản ánh những cải thiện về thể chế, nguồn nhân lực, cơ sở hạ tầng, mức độ phát triển thị trường và trình độ phát triển doanh nghiệp. Trong khi đó, chỉ số đầu ra đổi mới sáng tạo duy trì ở mức cao, xếp thứ 37 thế giới, cho thấy khả năng chuyển hóa các nguồn lực đầu vào thành kết quả đổi mới sáng tạo của Việt Nam tương đối hiệu quả. Trong nhóm các quốc gia có thu nhập trung bình thấp, Việt Nam tiếp tục giữ vị trí thứ hai, chỉ sau Ấn Độ. Tại khu vực Đông Nam Á, Việt Nam đứng thứ ba sau Singapore và Malaysia, đồng thời vượt qua nhiều nền kinh tế có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực (Báo Chính phủ, 2025). Đây là minh chứng cho vai trò ngày càng quan trọng của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đối với tăng trưởng kinh tế.

Bảng 1: Tiến bộ về xếp hạng chỉ số GII của Việt Nam giai đoạn 2017 - 2025

	2017 (127 QG)	2018 (126 QG)	2019 (129 QG)	2020 (131 QG)	2021 (132 QG)	2022 (132 QG)	2023 (132 QG)	2024 (133 QG)	2025 (139 QG)
Nhóm chỉ số đầu vào ĐMST	**71**	**65**	**63**	**62**	**60**	**59**	**57**	**53**	**50↑**
1. Thể chế	87	78	81	83	83	51	48	58	59↓
2. Nguồn nhân lực và nghiên cứu	70	66	61	79	79	80	71	73	70↑
3. Cơ sở hạ tầng	77	78	82	73	79	71	70	56	56=
4. Trình độ phát triển của thị trường	34	33	29	34	22	43	49	43	43=
5. Trình độ phát triển của doanh nghiệp	73	66	69	39	47	50	49	46	45↑
Nhóm chỉ số đầu ra ĐMST	**38**	**41**	**37**	**38**	**38**	**41**	**40**	**36**	**37↑**
6. Sản phẩm tri thức và công nghệ	28	35	27	37	41	52	48	44	39↑
7. Sản phẩm sáng tạo	52	46	47	38	42	35	36	34	34=
Xếp hạng chung	**47**	**45**	**42**	**42**	**44**	**48**	**46**	**44**	**44=**

Nguồn: Báo Điện tử Chính phủ, 2025

Bên cạnh những cải thiện về thứ hạng quốc tế, hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong nước cũng có bước phát triển mạnh mẽ. Mạng lưới các trung tâm đổi mới sáng tạo, khu công nghệ cao, cơ sở nghiên cứu và doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo ngày càng được mở rộng. Hoạt động chuyển đổi số quốc gia được triển khai sâu rộng trong các lĩnh vực kinh tế, giáo dục, y tế và quản lý nhà nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc ứng dụng các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI), dữ liệu lớn (Big Data), điện toán đám mây và Internet vạn vật (IoT).

Ngoài ra, việc ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa

học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã tạo khuôn khổ chính sách quan trọng nhằm thúc đẩy phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Các địa phương như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Quảng Ninh và Thái Nguyên đã chủ động triển khai nhiều chương trình hỗ trợ nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần lan tỏa tinh thần đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội.

Những kết quả trên cho thấy Việt Nam đang từng bước chuyển dịch từ mô hình tăng trưởng dựa vào vốn và lao động sang mô hình tăng trưởng dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây là nền tảng quan trọng để nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững trong giai đoạn tới.

3.2. Những hạn chế và thách thức

Mặc dù đạt được nhiều kết quả tích cực, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn tồn tại không ít hạn chế và thách thức cần được khắc phục trong thời gian tới.

Thứ nhất, mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D) còn thấp so với nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Nguồn lực dành cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo chưa tương xứng với yêu cầu phát triển của nền kinh tế tri thức. Hoạt động nghiên cứu chủ yếu vẫn dựa vào nguồn ngân sách nhà nước, trong khi sự tham gia của khu vực doanh nghiệp còn hạn chế.

Thứ hai, chất lượng nguồn nhân lực khoa học công nghệ chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của quá trình chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Việt Nam đang đối mặt với tình trạng thiếu hụt nhân lực chất lượng cao trong các lĩnh vực công nghệ mũi nhọn như trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, an ninh mạng và tự động hóa. Năng lực nghiên cứu và sáng tạo của đội ngũ nhân lực khoa học công nghệ vẫn còn khoảng cách nhất định so với các quốc gia phát triển.

Thứ ba, khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học còn hạn chế. Nhiều công trình nghiên cứu chưa được chuyển giao hiệu quả vào thực tiễn sản xuất và kinh doanh. Sự liên kết giữa trường đại học, viện nghiên cứu và doanh nghiệp còn thiếu chặt chẽ, dẫn đến tình trạng một số kết quả nghiên cứu chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của thị trường.

Thứ tư, năng lực đổi mới sáng tạo của phần lớn doanh nghiệp Việt Nam còn ở mức khiêm tốn. Đặc biệt, các doanh nghiệp nhỏ và vừa gặp nhiều khó khăn trong tiếp cận vốn, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhiều doanh nghiệp chưa hình thành chiến lược đổi mới sáng tạo dài hạn và chưa đầu tư thích đáng cho hoạt động nghiên cứu phát triển.

Thứ năm, chất lượng thể chế và môi trường hỗ trợ đổi mới sáng tạo vẫn cần tiếp tục hoàn thiện. Mặc dù nhiều cơ chế, chính sách mới đã được ban hành nhưng việc triển khai trên thực tế còn gặp không ít khó khăn. Một số quy định liên quan đến sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ, đầu tư cho nghiên cứu khoa học và hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo chưa thực sự tạo động lực mạnh mẽ cho các chủ thể tham gia hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

Ngoài ra, sự phát triển của đổi mới sáng tạo giữa các vùng và địa phương còn chưa đồng đều. Các trung tâm kinh tế lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đang tập trung phần lớn nguồn lực khoa học công nghệ, trong khi nhiều địa phương khác vẫn gặp khó khăn về hạ tầng, nguồn nhân lực và khả năng tiếp cận công nghệ mới. Điều này tạo ra khoảng cách nhất định trong năng lực đổi mới sáng tạo giữa các vùng miền.

Những hạn chế trên cho thấy mặc dù Việt Nam đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận về đổi mới sáng tạo, song vẫn cần có những giải pháp mạnh mẽ và đồng bộ nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tăng cường đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, thúc đẩy liên kết giữa các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và hoàn thiện môi trường thể chế. Đây là những điều kiện quan trọng để đổi mới sáng tạo thực sự trở thành động lực chủ yếu cho tăng trưởng kinh tế bền vững trong giai đoạn tới.

4. Giải pháp nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững ở Việt Nam

Trước những cơ hội và thách thức của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình chuyển đổi số và xu hướng phát triển kinh tế tri thức trên toàn cầu, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia cần được thực hiện đồng bộ trên nhiều phương diện. Đổi mới sáng tạo không chỉ là nhiệm vụ của riêng Chính phủ hay doanh nghiệp mà cần có sự tham gia của toàn bộ hệ sinh thái bao gồm Nhà nước, doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu và cộng đồng xã hội.

Thứ nhất, *tiếp tục hoàn thiện thể chế và chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo*

Thể chế được xem là nền tảng quan trọng quyết định hiệu quả của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quốc gia. Trong thời gian tới, cần tiếp tục rà soát, sửa

đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo hướng đồng bộ, minh bạch và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đặc biệt, cần triển khai hiệu quả các chủ trương của Đảng được nêu trong Nghị quyết số 57-NQ/TW về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Bên cạnh đó, cần xây dựng các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu và phát triển (R&D), đổi mới công nghệ và chuyển đổi số thông qua các chính sách ưu đãi về thuế, tín dụng, đất đai và tiếp cận nguồn vốn. Đồng thời, cần hoàn thiện các quy định về sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu nhằm tạo động lực cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo.

Thứ hai, *tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo*

Đầu tư cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo là điều kiện tiên quyết để nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Nhà nước cần tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực cho các chương trình nghiên cứu trọng điểm quốc gia, các lĩnh vực công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo (AI), công nghệ bán dẫn, dữ liệu lớn (Big Data), Internet vạn vật (IoT), công nghệ sinh học, năng lượng tái tạo và công nghệ xanh. Song song với nguồn lực từ ngân sách nhà nước, cần khuyến khích khu vực doanh nghiệp tăng cường đầu tư cho hoạt động R&D. Các doanh nghiệp cần chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa trên lợi thế chi phí thấp sang mô hình tăng trưởng dựa trên công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc hình thành các quỹ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư mạo hiểm và các chương trình hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng sẽ góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới công nghệ trong doanh nghiệp. Ngoài ra, cần đa dạng hóa các nguồn vốn đầu tư cho khoa học công nghệ thông qua việc thu hút đầu tư tư nhân, vốn đầu tư nước ngoài và các chương trình hợp tác quốc tế về nghiên cứu và phát triển công nghệ.

Thứ ba, *phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số*

Nguồn nhân lực là yếu tố cốt lõi quyết định năng lực đổi mới sáng tạo của quốc gia. Trong bối cảnh chuyển đổi số và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ mới, Việt Nam cần đẩy mạnh đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo theo hướng gắn kết chặt chẽ với nhu cầu của thị trường lao động và yêu cầu phát triển khoa học công nghệ. Cần ưu tiên phát triển nguồn nhân lực trong các ngành công nghệ chiến lược như trí tuệ nhân tạo, khoa học dữ liệu, an ninh mạng, tự động hóa, công nghệ bán dẫn và công nghệ số. Các trường đại học cần tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, nâng cao chất lượng đào tạo sau đại học và thúc đẩy hợp tác với doanh nghiệp nhằm nâng cao khả năng ứng dụng kiến thức vào thực tiễn. Bên cạnh đó, cần triển khai các chương trình đào tạo lại (reskilling) và nâng cao kỹ năng (upskilling) cho lực lượng lao động hiện có nhằm đáp ứng yêu cầu của quá trình chuyển đổi số. Đồng thời, xây dựng các cơ chế thu hút và trọng dụng nhân tài trong lĩnh vực khoa học công nghệ, đặc biệt là đội ngũ chuyên gia Việt Nam ở nước ngoài và các nhà khoa học quốc tế.

Thứ tư, *thúc đẩy liên kết giữa doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu*

Một trong những hạn chế lớn của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo tại Việt Nam là sự liên kết giữa các chủ thể còn chưa chặt chẽ. Do đó, cần thúc đẩy mạnh mẽ mô hình liên kết "Nhà nước - Nhà trường - Nhà khoa học - Doanh nghiệp" nhằm nâng cao hiệu quả nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học. Các trường đại học và viện nghiên cứu cần tăng cường định hướng nghiên cứu theo nhu cầu thực tiễn của doanh nghiệp và xã hội. Đồng thời, doanh nghiệp cần chủ động tham gia vào quá trình nghiên cứu, đặt hàng các đề tài khoa học và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh. Việc phát triển các trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm chuyển giao công nghệ, vườn ươm doanh nghiệp và không gian sáng tạo mở sẽ góp phần kết nối các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ tri thức, nguồn lực và kinh nghiệm.

Thứ năm, *đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ mới trong mọi lĩnh vực*

Chuyển đổi số là động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo và nâng cao năng suất lao động. Do đó, cần tiếp tục đầu tư phát triển hạ tầng số hiện đại, đồng bộ và an toàn nhằm tạo nền tảng cho phát triển kinh tế số và xã hội số. Các cơ quan nhà nước cần đẩy mạnh xây dựng chính quyền số, khai thác hiệu quả dữ liệu số và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý và cung cấp dịch vụ công. Trong khu vực doanh nghiệp, cần thúc đẩy ứng dụng các công nghệ mới như AI, blockchain, điện toán đám mây, dữ liệu lớn và tự động hóa nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh và quản trị doanh nghiệp. Bên cạnh đó, cần hỗ trợ các doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận công nghệ số thông qua các chương trình tư

vấn, đào tạo và hỗ trợ tài chính, giúp doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh trong môi trường kinh doanh số.

Thứ sáu, *phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp*

Doanh nghiệp là trung tâm của hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và là chủ thể trực tiếp tạo ra các sản phẩm, dịch vụ và mô hình kinh doanh mới. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện môi trường hỗ trợ khởi nghiệp sáng tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp tiếp cận vốn, công nghệ, thị trường và nguồn nhân lực chất lượng cao. Nhà nước cần khuyến khích sự hình thành và phát triển các quỹ đầu tư mạo hiểm, các chương trình tăng tốc khởi nghiệp và các trung tâm hỗ trợ đổi mới sáng tạo. Đồng thời, thúc đẩy hình thành văn hóa đổi mới sáng tạo trong cộng đồng doanh nghiệp, khuyến khích doanh nghiệp chủ động nghiên cứu, cải tiến công nghệ và nâng cao năng lực quản trị. Đặc biệt, cần hỗ trợ doanh nghiệp tham gia sâu hơn vào các chuỗi giá trị toàn cầu, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ và khả năng sáng tạo sản phẩm có giá trị gia tăng cao. Đây là giải pháp quan trọng giúp Việt Nam chuyển từ vị thế gia công, lắp ráp sang vị thế sáng tạo và làm chủ công nghệ.

Thứ bảy, *tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo*

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, hợp tác quốc tế đóng vai trò quan trọng trong việc tiếp cận tri thức, công nghệ và kinh nghiệm quản lý tiên tiến. Việt Nam cần mở rộng hợp tác với các quốc gia có nền khoa học công nghệ phát triển, các tổ chức quốc tế, các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới và mạng lưới chuyên gia quốc tế. Việc thúc đẩy các chương trình nghiên cứu chung, chuyển giao công nghệ, trao đổi chuyên gia và hợp tác đào tạo sẽ góp phần nâng cao năng lực nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Đồng thời, cần tận dụng hiệu quả các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới để thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghệ số và đổi mới sáng tạo.

Nhìn chung, việc nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia đòi hỏi một chiến lược tổng thể với sự tham gia của toàn bộ hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, các cơ sở nghiên cứu và toàn xã hội. Thực hiện hiệu quả các giải pháp nêu trên sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và hiện thực hóa mục tiêu đưa Việt Nam trở thành quốc gia phát triển có thu nhập cao vào năm 2045.

5. Kết luận

Đổi mới sáng tạo đang trở thành động lực cốt lõi thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong bối cảnh chuyển đổi số và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Thông qua phân tích cơ sở lý luận và thực trạng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia ở Việt Nam, bài viết cho thấy Việt Nam đã đạt được nhiều kết quả tích cực như cải thiện thứ hạng trên Chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII), từng bước hoàn thiện hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đẩy mạnh chuyển đổi số và ban hành nhiều chủ trương, chính sách quan trọng nhằm phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Tuy nhiên, năng lực đổi mới sáng tạo của Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế liên quan đến mức đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, chất lượng nguồn nhân lực, khả năng thương mại hóa kết quả nghiên cứu, năng lực đổi mới của doanh nghiệp, chất lượng thể chế và sự phát triển chưa đồng đều giữa các địa phương. Trên cơ sở đó, bài viết đã đề xuất hệ thống giải pháp mang tính tổng thể nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia, bao gồm hoàn thiện thể chế và chính sách; tăng cường đầu tư cho nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy liên kết giữa Nhà nước, doanh nghiệp, trường đại học và viện nghiên cứu; đẩy mạnh chuyển đổi số; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này sẽ góp phần nâng cao năng suất lao động, gia tăng năng lực cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy quá trình chuyển đổi sang mô hình tăng trưởng dựa trên tri thức, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Trong thời gian tới, Việt Nam cần tiếp tục coi đổi mới sáng tạo là trụ cột của chiến lược phát triển quốc gia, đồng thời xây dựng môi trường thuận lợi để các chủ thể trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo phát huy tối đa tiềm năng, tạo ra các giá trị mới phục vụ phát triển kinh tế - xã hội theo hướng nhanh và bền vững.

Tài liệu tham khảo:

Báo Điện tử Chính phủ (2025). Việt Nam duy trì xếp hạng 44 về chỉ số Đổi mới sáng tạo toàn cầu 2025, https://baochinhphu.vn/viet-nam-duy-tri-xep-hang-44-ve-chi-so-doi-moi-sang-tao-toan-cau-2025-102250916195648812.htm.

Bộ Chính trị (2024). Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.

OECD/Eurostat (2018). Oslo Manual 2018: Guidelines for Collecting, Reporting and Using Data on Innovation, 4th Edition. OECD Publishing.

World Bank (2024). World Development Report 2024: The Middle-Income Trap.

World Intellectual Property Organization (WIPO) (2025). Global Innovation Index 2025: Innovation at a Crossroads. WIPO.